TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/ HNGĐ-ST
Ngày: 21/5/2019
V/v: " Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

* Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Bùi Chí Linh.**

* Các vị hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Mỹ

2/ Bà Chung Kim Sang

* Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Kim Ưng** - Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: **Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.**

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 114/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Đ**, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 1039/29/32 đường Lâm Quang Ky, khu phố 5, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

**** Bị đơn***: Ông **Hoàng Công T**, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 1039/29/32 đường Lâm Quang Ky, khu phố 5, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày:** Trước đây bà Đ và ông T tự tìm hiểu nhau, sau đó tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang vào ngày 01/10/2002.

Lý do xin ly hôn: Bà Đ trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn gay gắt do ông T thường xuyên ghen tuông vô cớ, nghi ngờ bà Đ

phản bội, nhiều lần mắng chửi xúc phạm danh dự bà Đ, ông T thường xuyên theo dõi và nói với lãnh đạo nơi bà Đ công tác rằng bà Đ ngoại tình với người khác. Nhiều lần đánh đập bà Đ, đi bêu xấu bà Đ khắp nơi, danh dự nhân phẩm của bà Đ không còn. Thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Ngọc Đ yêu cầu được ly hôn với ông Hoàng Công T.

Về con chung: Bà Đ xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Hoàng Nguyễn Quỳnh Anh, sinh ngày 04/8/2003 và Hoàng Quốc Anh, sinh ngày 05/7/2014. Bà Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Đ xác nhận hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Hoàng Công T trình bày:** Trước đây Đ và ông T tự tìm hiểu nhau, sau đó tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang vào ngày 01/10/2002.

Ông T trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do vợ ngoại tình (có bằng chứng) nhưng ông T không đồng ý ly hôn với bà Đ vì muốn các con có đầy đủ cha mẹ, được sống trong môi trường tốt để phát triển.

Ông T xác nhận trong quá trình chung sống hai vợ chồng có 01 vài làn xô xát, sau đó thì ông T cũng có xin lỗi vợ, ông T cho rằng bà Đ phản bội chồng và có nhiều lần xúc phạm ông T.

Về con chung: Ông T xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Hoàng Nguyễn Quỳnh Anh, sinh ngày 04/8/2003 và Hoàng Quốc Anh, sinh ngày 05/7/2014. Ông T đồng ý cho bà Đ tiếp tục nuôi con tên Hoàng Quốc Anh, còn Quỳnh Anh thì do con tự quyết định.

Về tài sản chung: Ông T xác nhận hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà Đ kiên quyết xin được ly hôn với ông T, mong Hội đồng xét xử chấp thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Việc bà Nguyễn Thị Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Hoàng Công T là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang theo qui định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho các đương sự các văn bản tố tụng tuy nhiên bị đơn ông Hoàng Công T vẫn vắng mặt 02 lần theo thông báo của Tòa án. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng đương sự trên. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đương sự tại phiên tòa để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những nội dung liên quan đến vụ án:

[2] Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ và ông Hoàng Công T tự tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Hòa vào ngày 01/10/2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà Đ khởi kiện cho rằng quá trình chung sống giữa vợ chồng do tính tình không hợp nhau, ông T nhiều lần đánh đập, xúc phạm danh dự bà Đ vì ông T cho rằng bà Đ ngoại tình dẫn tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Hai bên đã tự hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã tự ly thân từ tháng 9/2017 cho đến nay.

[3] Xét thấy việc chung sống vợ chồng là phát sinh từ sự tự nguyện của hai bên, nay bà Đ kiên quyết không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông T, đồng thời hai bên cũng đã phát sinh mâu thuẫn nhiều năm nay và hiện tại bà Đ và ông T đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2017 cho đến nay. Từ đó xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, do đó sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đ.

[4] **Về con chung**: Ông T và bà Đ xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Hoàng Nguyễn Quỳnh Anh, sinh ngày 04/8/2003 và Hoàng Quốc Anh, sinh ngày 05/7/2014. Ông T và bà Đ thống nhất cho bà Đ tiếp tục nuôi con tên Hoàng Quốc Anh, còn Hoàng Nguyễn Quỳnh Anh thì ông T được tiếp tục nuôi dưỡng, sự thỏa thuận này là phù hợp với nguyện vọng của con.

[5] Về tài sản chung: Bà Đ và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Đ và ông T xác nhận không có nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Đ phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp theo biên lai thu số 0001581 ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Rạch Giá là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016)

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự

- Áp dụng: Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016) của UB thường vụ Quốc Hội.

Xử :

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc Đ với ông Hoàng Công T.

- Về con chung: giao con chung tên Hoàng Quốc Anh, sinh ngày 05/7/2014; cho bà Nguyễn Thị Ngọc Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Giao con chung tên Hoàng Nguyễn Quỳnh Anh, sinh ngày 04/8/2003 cho ông Hoàng Công T tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Đ và ông T không ai yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ và ông Hoàng Công T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

*** Về án phí HNGĐ:** Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Đ phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp theo biên lai thu số 0001581 ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Rạch Giá. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKS
- Phòng GĐKT
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu vp

BÙI CHÍ LINH